








PHẦN I – QUY ĐỊNH VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (NCKH)



I. Quy định chung



-  1. Quy định này điều chỉnh những nội dung gì?



 Quy định việc quản lý, tổ chức và đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên.
-  2. Đối tượng được áp dụng là ai?



 Sinh viên chính quy của Trường Đại học Công nghiệp Việt – Hung.
-  3. Mục tiêu của hoạt động NCKH là gì?



 Phát huy tư duy sáng tạo, năng lực tự học, tự nghiên cứu và ứng dụng kiến thức vào thực tiễn.
-  4. NCKH giúp phát triển năng lực nào cho sinh viên?



 Năng lực sáng tạo, giải quyết vấn đề, hợp tác, tự học và làm việc khoa học.
-  5. NCKH giúp sinh viên có cơ hội gì sau khi tốt nghiệp?


 Cơ hội học cao hơn, làm việc trong các dự án nghiên cứu hoặc doanh nghiệp.
-  6. Các yêu cầu chung đối với hoạt động NCKH là gì?

 Phù hợp định hướng phát triển của trường, đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn và trung thực.
-  7. NCKH của sinh viên phải phù hợp với điều gì?

 Phù hợp chuyên ngành đào tạo và năng lực sinh viên.
-  8. Kết quả NCKH cần có đặc điểm gì?

 Có giá trị ứng dụng, sáng tạo và thể hiện khả năng nghiên cứu độc lập.
-  9. Nguồn kinh phí NCKH sinh viên từ đâu?

 Ngân sách nhà trường, tài trợ của tổ chức, doanh nghiệp hoặc nguồn khác hợp pháp.
-  10. Nhà trường có thể huy động kinh phí từ nguồn nào?

 Từ doanh nghiệp, dự án hợp tác khoa học và công nghệ.

II. Quản lý và tổ chức hoạt động NCKH

1. Quản lý hoạt động NCKH

- ? 11. Kế hoạch NCKH sinh viên nằm trong kế hoạch nào?
- Nằm trong kế hoạch năm học của nhà trường.
- ? 12. Các hình thức NCKH sinh viên gồm?
- Đề tài nghiên cứu, sáng kiến kỹ thuật, dự án ứng dụng, hội nghị, cuộc thi khoa học.
- ? 13. Các hoạt động hỗ trợ NCKH gồm gì?
- Hướng dẫn phương pháp nghiên cứu, cấp tài liệu, hỗ trợ kinh phí, tổ chức hội nghị.
- ? 14. Sinh viên được khuyến khích tham gia những hoạt động nào?
- Giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học cấp trường, Bộ, cấp quốc gia.
- ? 15. Nhà trường làm gì để tuyên truyền sản phẩm NCKH?
- Tổ chức hội nghị, triển lãm, công bố bài báo, đưa lên website.
- ? 16. Việc khen thưởng, tôn vinh được thực hiện thế nào?
- Thông qua hội nghị, quyết định khen thưởng, giấy chứng nhận, cộng điểm rèn luyện.
-

2. Thực hiện đề tài NCKH

- ? 17. Ai xây dựng kế hoạch NCKH đầu năm?
- Các khoa, bộ môn xây dựng và gửi về phòng QLKH.
- ? 18. Quy trình đề xuất đề tài NCKH như thế nào?
- Sinh viên đề xuất – Khoa duyệt – Phòng QLKH tổng hợp – Hiệu trưởng phê duyệt.
- ? 19. Ai phê duyệt danh mục đề tài và người hướng dẫn?
- Hiệu trưởng nhà trường.
- ? 20. Sau khi hoàn thành, sinh viên nộp sản phẩm cho ai?
- Nộp cho khoa phụ trách để nghiệm thu.
- ? 21. Ai đánh giá đề tài cấp khoa?
- Hội đồng khoa học cấp khoa.
- ? 22. Tiêu chí chọn đề tài gửi cấp trường là gì?
- Có tính mới, giá trị khoa học, khả năng ứng dụng và tính hoàn chỉnh.

? 23. Khoa gửi danh sách đề tài cho phòng nào?

→ Phòng Quản lý Khoa học.

3. Đánh giá đề tài cấp trường

? 24. Ai thành lập hội đồng xét chọn?

→ Hiệu trưởng thành lập.

? 25. Tiêu chí đánh giá gồm?

→ Tính mới, tính khoa học, phương pháp, kết quả và khả năng ứng dụng.

? 26. Hội đồng xét chọn gồm bao nhiêu người?

→ Từ 5 đến 7 thành viên.

? 27. Điều kiện họp hợp lệ là gì?

→ Ít nhất 2/3 thành viên có mặt.

? 28. Thang điểm đánh giá đề tài là bao nhiêu?

→ 100 điểm.

? 29. Ai phê duyệt danh sách giải thưởng NCKH cấp trường?

→ Hiệu trưởng.

4. Hội nghị khoa học và công nghệ sinh viên

? 30. Mục đích hội nghị là gì?

→ Báo cáo kết quả, giao lưu, học hỏi, phát triển ý tưởng mới.

? 31. Có mấy cấp hội nghị?

→ Cấp khoa và cấp trường.

? 32. Ai tổ chức cấp khoa?

→ Trưởng khoa.

? 33. Ai tổ chức cấp trường?

→ Phòng Quản lý Khoa học.

? 34. Nội dung hội nghị gồm gì?

→ Báo cáo đề tài, trưng bày sản phẩm, khen thưởng, trao đổi học thuật.

5. Giới thiệu kết quả nghiên cứu

- ? 35. Trường giới thiệu kết quả cho ai?
 - Doanh nghiệp, cơ quan khoa học, tổ chức đối tác.
- ? 36. Mục tiêu giới thiệu sản phẩm là gì?
 - Chuyển giao, ứng dụng thực tiễn, quảng bá năng lực sinh viên.

6. Hoạt động thông tin khoa học

- ? 37. Trường có thể xuất bản gì?
 - Kỷ yếu, tạp chí khoa học, báo cáo tổng hợp.
- ? 38. Ai lưu giữ và công bố kết quả NCKH?
 - Phòng QLKH và Thư viện.
- ? 39. Kết quả nghiên cứu có thể đăng ở đâu?
 - Website trường, tạp chí khoa học, kỷ yếu hội nghị.

III. Trách nhiệm và quyền hạn

- ? 40. Khoa có nhiệm vụ gì?
 - Quản lý, hướng dẫn, tổ chức, nghiệm thu và đánh giá đề tài sinh viên.
- ? 41. Bộ môn có trách nhiệm gì?
 - Định hướng, hỗ trợ chuyên môn, theo dõi tiến độ đề tài.
- ? 42. Sinh viên có nhiệm vụ gì?
 - Chủ động, trung thực, hoàn thành đề tài đúng tiến độ.
- ? 43. Giảng viên hướng dẫn có trách nhiệm gì?
 - Hỗ trợ chuyên môn, kiểm tra tiến độ, đánh giá chất lượng, ký xác nhận.
- ? 44. Phòng QLKH có nhiệm vụ gì?
 - Quản lý chung, hướng dẫn quy trình, tổng hợp, đề xuất khen thưởng.
- ? 45. Các đơn vị khác (Thư viện, Kế toán, HSSV) làm gì?
 - Hỗ trợ tài liệu, thanh toán kinh phí, xác nhận điểm rèn luyện.

IV. Khen thưởng & xử lý

? 54. Hình thức khen thưởng gồm?

→ Giấy khen, giấy chứng nhận, phần thưởng tiền, cộng điểm rèn luyện.

? 55. Giấy tờ sinh viên được nhận là gì?

→ Giấy chứng nhận đề tài, giấy khen NCKH.

? 56. Cộng điểm học tập thế nào?

→ Theo quy định của nhà trường (tùy cấp giải).

? 57. Điểm cộng cụ thể:

→ Cấp Bộ: +1.0 điểm học tập; Cấp Trường: +0.5 điểm; Giải khuyến khích: +0.25 điểm.

? 58. Vi phạm của giảng viên hướng dẫn xử lý ra sao?

→ Nhắc nhở, kỷ luật, cắt quyền hướng dẫn nếu vi phạm nghiêm trọng.

? 59. Sinh viên gian lận hoặc không thực hiện đề tài bị xử lý thế nào?

→ Hủy kết quả, không được xét đề tài khác, trừ điểm rèn luyện.

PHẦN II – QUY ĐỊNH VỀ HỌC BỔNG

I. Quy định chung

? 63. Ai được xét học bổng khuyến khích học tập?

→ Sinh viên hệ chính quy có kết quả học tập và rèn luyện tốt.

? 64. Sinh viên diện chính sách có được xét không?

→ Có, nếu đạt điều kiện học tập và rèn luyện.

? 65. Học bổng được xét theo chu kỳ nào?

→ Theo từng học kỳ.

? 66. Quỹ học bổng trích từ nguồn nào?

→ Ngân sách học phí, tài trợ, và nguồn hợp pháp khác.

II. Quy định cụ thể

? 67. Điều kiện học tập tối thiểu là gì?

→ Điểm trung bình học tập từ 2.5 trở lên (thang 4.0).

? 68. Điều kiện điểm rèn luyện là gì?

→ Từ loại Khá trở lên (≥ 70 điểm).

? 69. Học bổng có mấy loại?

→ Ba loại: Loại 1, Loại 2, Loại 3.

? 70. Tiêu chuẩn học bổng loại 1?

→ Điểm TB học tập ≥ 3.6 , rèn luyện ≥ 90 .

? 71. Tiêu chuẩn học bổng loại 2?

→ Điểm TB học tập từ 3.2–3.59, rèn luyện ≥ 80 .

? 72. Tiêu chuẩn học bổng loại 3?

→ Điểm TB học tập từ 2.5–3.19, rèn luyện ≥ 70 .

? 73. Mức học bổng loại 1 bằng bao nhiêu so với loại 3?

→ 150%.

? 74. Mức học bổng loại 2 bằng bao nhiêu so với loại 3?

→ 120%.

? 75. Mức học bổng loại 3 tương đương gì?

→ 100% mức học phí bình quân học kỳ.

? 76. Có lấy điểm thi lần 2 để xét học bổng không?

→ Không, chỉ tính điểm thi lần 1.

? 77. Kết quả rèn luyện của sinh viên được tính theo quy chế nào?

→ Theo Quy chế đánh giá rèn luyện sinh viên của Bộ GD&ĐT.

? 78. Ai chịu trách nhiệm xây dựng phương án xét cấp học bổng?

→ Phòng Công tác sinh viên.

? 79. Hội đồng nào của Khoa tiến hành xét học bổng?

→ Hội đồng xét học bổng cấp Khoa.

? 80. Phòng nào rà soát kết quả học tập và rèn luyện trước khi trình duyệt?

→ Phòng Đào tạo và Phòng CTSV.

? 81. Ai là người có thẩm quyền phê duyệt danh sách cấp học bổng?

→ Hiệu trưởng.

? 82. Phòng nào thực hiện chi trả học bổng sau khi có quyết định?

→ Phòng Tài chính – Kế toán.